**PHỤ LỤC I**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC KHỐI 7**  *(Kèm theo công văn số /GDĐT – THCS ngày tháng năm của Phòng GDĐT)* |  |  |

**TRƯỜNG THCS TÂN HÒA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ XÃ HỘI** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC BỘ MÔN NGỮ VĂN 7**

**NĂM HỌC: 2022 – 2023 - BỘ SÁCH “CÁNH DIỀU”**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **I. Đặc điểm tình hình** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **1. Số lớp: 04** | **; Số học sinh:** | **132 em ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):……………** | | | | | | |
|  | **2. Tình hình đội ngũ: TS Số giáo viên:02** | | **; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0** | | | | **; Đại học: 01đ/c** | **; Thạc sỹ: 01 đ/c** | |
|  |  | **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 02 đ/c** | | | **; Khá:0** | | **; Đạt: 0** | **; Chưa đạt: 0** | |

1. **Thiết bị dạy học:** *Nghiên cứu TT38/2021-TT/BGDĐT về thiết bị lớp 7.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài TN/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bộ tranh minh họa hình ảnh một số truyện tiêu biểu | 04 |  |  |
| 2 | Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của văn bản truyện | 04 |  |  |
| 3 | Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của các loại văn bản thơ | 04 |  |  |
| 4 | Bộ tranh bìa sách một số cuốn truyện KHVT nổi tiếng. | 04 |  |  |
| 5 | Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận. | 04 |  |  |
| 6 | Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản thông tin | 04 |  |  |
| 7 | Tranh minh họa: mô hình hóa quy trình viết một văn bản và sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một số văn bản đơn giản. | 04 |  |  |
| 8 | Sơ đồ mô hình một số kiểu văn bản có trong chương trình | 04 |  |  |
| 9 | Video/clip/ phim tư liệu về thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh | 04 |  |  |
| 10 | Video/clip/ phim tư liệu về Văn học dân gian Việt Nam | 04 |  |  |
| 11 | Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên |  |  |  |

1. **Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục***)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Sân khấu trường | 01 | - Sân khấu hóa cho HS sau khi học Bài 1,2: Truyện ngắn, tiểu thuyết; Thơ  (Bốn chữ hoặc năm chữ)  - Học sinh sắm vai một số nhân vật trong truyện (Truyện ngăn hoặc tiểu thuyết); Đọc diễn cảm thơ… |  |
| 2 | Thư viện | 01 | - H tham gia đọc sách  - Trình bày thu hoạch sau buổi đọc và tìm hiểu các loại sách ở thư viện… |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**2.1.Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **Tên bài học/chủ đề**  **(1)** | **Tiết PPCT**  **(2)** | **Tên bài học từng tiết**  **(3)** | **Thiết bị dạy học**  **(4)** | **Yêu cầu cần đạt (nêu ngắn gọn phần NL - PC) của cả bài (theo TS tiết của bài)**  **(5)** |
| **HỌC KỲ I** | | | | | |
| **Tuần 1** | **BÀI MỞ ĐẦU**  **(2 tiết)** | **1** | Nội dung chính của SGK:  **I. Học đọc**  **II. Học viết**  **III. Học nói và nghe** | 1. Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của văn bản truyện  2. Bộ tranh minh hoạ hình ảnh một số truyện tiêu biểu.  3.Tranh minh họa mô hình bố cục bài văn tự sự kể lại một trải nghiệm  4. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  5. KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | **\*BÀI MỞ ĐẦU:**  - Khái quát được những nội dung chính của sách Ngữ văn 7.  - Hiểu được cấu trúc của sách và các bài học trong sách.  - HS hiểu được nhiệm vụ cần làm trong từng bài, biết cách học bài, soạn bài và ghi bài. Từ đó có kế hoạch học tập các phân môn của bộ môn được hiệu quả.  **\*BÀI 1: TRUYỆN(TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT)**  ***1. Năng lực***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  + Đọc: Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của văn bản. Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học.  + Viết: Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  + Nói & nghe: Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.Nghe ý kiến bạn trình bày và tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.Nói nghe tương tác  ***- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***2. Phẩm chất chủ yếu:***  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.  - *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống, tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc. |
| **2** | - Giới thiệu cấu trúc SGK  - HDHS soạn bài, chuẩn bị bài học, ghi bài, tự đánh giá, hướng dẫn tự học |
| **4** | ***- Văn bản 1:****Người đàn ông cô độc giữa rừng(Đoàn Giỏi)* |
| **Tuần**  **2 +3 +4** | **BÀI 1(12 tiết)**  **TRUYỆN (TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT)** | **ĐỌC – HIỂU** | |
| **5 + 6** | ***- Văn bản 1:****Người đàn ông cô độc giữa rừng(Đoàn Giỏi)* |
| **7+8+9** | ***- Văn bản 2:*** *Buổi học cuối cùng(A.P.Đô đê)* |
| **10** | **- Thực hành tiếng Việt:***Từ ngữ địa phương* |
| **11** | **- THĐH-*Văn bản 3:*** *Dọc đường xứ Nghệ(Sơn Tùng)* |
| **VIẾT** | |
| **12+13+14** | Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử |
| **NÓI & NGHE** | |
| **15** | Trình bày ý kiến về vấn đề trong đời sống |
| **16** | **Tự đánh giá**( KTTX – KTĐG NL Đọc hiểu) |
| **Hướng dẫn tự học( GV hướng dẫn H tự học sau mỗi tiết)** | |
| **Tuần**  **5+6+7** | **BÀI 2(12 tiết)**  **THƠ**  **(BỐN CHỮ**  **VÀ**  **NĂM CHỮ)** | **ĐỌC – HIỂU** | | 1.Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của các loại văn bản thơ.  2. Tranh mô hình hoá các yếu tố tạo nên bài thơ nói chung: số tiếng, vần, nhịp, khổ, dòng thơ  3. Bộ tranh minh hoạ cho mô hình bài thơ bốn chữ, năm chữ.  4. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên.  5. KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | ***1. Năng lực***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  ***- Năng lực ngôn ngữ: Đọc - viết – nói và nghe:***  + Đọc: Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ (số lượng dòng, chữ, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,…) và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện trong bài thơ. Nhận biết và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.  nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ  + Viết: Bước đầu làm được bài thơ bốn chữ, năm chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.  + Nói & nghe: Biết trao đổi về một vấn đề. Nghe bạn trình bày và tóm tắt được nội dung trình bày của bạn. Nói nghe tương tác: Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.  ***- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***2. Phẩm chất chủ yếu:***  -*Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.  - *Nhân ái:* Biết yêu thương người thân trong gia đình, trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc. |
| **17 + 18** | + **Văn bản 1:***Mẹ( Đỗ Trung Lai)* |
| **19 + 20** | +**Văn bản 2:***Ông đồ (Vũ Đình Liên)* |
| **21** | **-THTV:***Từ trái nghĩa, biện pháp tu từ* |
| **22** | **-THĐH -** Văn bản 3: *Tiếng gà trưa( Xuân Quỳnh)* |
| **VIẾT** | |
| **23+24+25** | *- Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ*  *- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ* |
| **NÓI & NGHE** | |
| **26+27** | *Trao đổi về một vấn đề* |
| **28** | **Tự đánh giá**(KTTX – KTĐG NL Viết: Thơ bốn chữ/năm chữ; Cảm xúc sau khi đọc…) |
| **Hướng dẫn tự học( GV HD sau mỗi hoạt động)** | |
| **Tuần 8** | **ÔN TẬP**  **VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **(4 tiết)** | **29** | **Ôn tập giữa học kỳ I**: Đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết... | 1.Bộ tranh bìa sách một số cuốn truyện KHVT .  2.Tranh minh họa bìa sách một số cuốn truyện KHVT nổi tiếng và tiêu biểu  3. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  4. KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | \***ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**:  Trình bày được các nội dung cơ bản đã học ở bài 1,2,3,4 gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.  - Vận dụng kiến thức và kĩ năng vào bài kiểm tra  - Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp HS tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì I.  - Làm bài nghiêm túc  - Nhận biết được những ưu nhược điểm trong bài làm của mình để có hướng phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế cho những bài làm sau.  **\* BÀI 3: TRUYỆN( KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG)**  ***1. Năng lực***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  ***- Năng lực ngôn ngữ: Đọc - viết – nói và nghe:***  + Đọc: Nhận biết được một số yếu tố hình thức (sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh,… ) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa) của truyện khoa học viễn tưởng. Nhận biết và vận dụng được số từ, phó từ trong đọc, viết, nói và nghe.  + Viết: Viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.  + Nói & nghe: Biết thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi  ***- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***3.Phẩm chất chủ yếu:***  - *Yêu nước:* Biết yêu thiên nhiên; biết trân trọng, giữ gìn và bảo vệ cái đẹp; yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…  - *Nhân ái:* Trân trọng ý tưởng khoa học; dũng cảm, yêu thiên nhiên, thích khám phá, đam mê tưởng tượng và sáng tạo,… |
| **30+31** | **Kiểm tra, đánh giá giữa HK I** |
| **ĐỌC – HIỂU** | |
| **32** | ***Văn bản 1:****Bạch tuộc (Jules Verner)* |
| **Tuần**  **9+10+11** | **BÀI 3(12 tiết)**  **TRUYỆN**  **(KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG)** | **33+34** | *-****Văn bản 1:****Bạch tuộc (Jules Verner)* |
| **35+36+37** | ***- Văn bản 2:****Chất làm gỉ (Ray Bradbury)* |
| **38** | **- Thực hành tiếng Việt:***Số từ và phó từ* |
| **39** | **-THTV - *Văn bản 3:****Nhật trình Sol 6* |
| **40** | **Trả bài KTĐG giữa HKI** |
| **VIẾT** | |
| **41+42** | Viết bài văn biểu cảm về một người hoặc sự việc |
| **NÓI & NGHE** | |
| **43** | Thảo luận nhóm về một vấn đề |
| **44** | **Tự đánh giá(**KTTX-KTĐG NL Nói&nghe) |
| **Hướng dẫn tự học( GVHD học sinh tự học sau mỗi tiết)** | |
| **Tuần**  **12+13+14** | **BÀI 4(12 tiết)**  **VĂN NGHỊ LUẬN**  **(NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)** | **ĐỌC – HIỂU** | | 1.Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận: mở bài, thân bài, kết bài.  Bảng nêu ý kiến, lí lẽ, bằng chứng (kiểm chứng được và không kiểm chứng được) và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  2. Tranh minh họa bố cục bài văn nghị luận (mở bài, thân bài, kết bài, các ý lớn);  3. Tranh minh họa cho ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của các yếu tố đó.  4. Mô hình hóa quy trình viết 1 văn bản: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm;  5. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  6. KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | ***1. Năng lực***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  ***- Năng lực ngôn ngữ: Đọc - viết – nói và nghe:***  + Đọc: Nhận biết được đặc điểm hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,…) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.  + Viết: Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.  + Nói & nghe: Biết thảo luận nhóm về một vấn đề.Nghe bạn trình bày và tóm tắt được nội dung trình bày của bạn.Nói nghe tương tác.  ***- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*:** Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***3.Phẩm chất chủ yếu:***  - *Yêu nước:* Biết yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…  - *Chăm chỉ:* Ham tìm hiểu văn học để nâng cao hiểu biết.  *- Nhân ái:* Biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh …  *- Trung thực:* Chân thành, thẳng thắn với bạn bè, thành thật với thầy cô ,cha mẹ… |
| **45+46+47** | - ***Văn bản 1:****Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”(Bùi Hồng)* |
| **48+49** | ***- Văn bản 2:****Vẻ đẹp của bài thơ“Tiếng gà trưa”(Đinh Trọng Lạc)* |
| **50** | **- THTV:** Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị |
| **51+52** | **- THĐH-*Văn bản 3:****Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”* |
| **VIẾT** | |
| **53+54** | *Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật* |
| **NÓI & NGHE** | |
| **55** | *Thảo luận nhóm về một vấn đề* |
| **56** | **Tự đánh giá**(KTTX – KTĐG kiến thức tiếng Việt) |
| **Hướng dẫn tự học( GVHD học sinh tự học sau mỗi tiết)** | |
| **Tuần 15+16+17**  **18** | **BÀI 5(12 tiết)**  **- VĂN BẢN THÔNG TIN**  **- ÔN TẬP VÀ KTĐG CUỐI HỌC KÌ I**  **( 4 tiết)** | **ĐỌC – HIỂU** | | 1.Tranh một số dạng/loại văn bản thông tin thông dụng. Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản thông tin.  2. Tranh minh họa một số dạng/loại văn bản thông tin thông dụng  3. Tranh minh họa các yếu tố hình thức của văn bản thông tin như: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản.  4. Mô hình hóa quy trình viết 1 văn bản: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm;  5. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  6. KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | **\*BÀI 5: VĂN BẢN THÔNG TIN**  ***1. Năng lực:***  **-** NL tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo  - NL ngôn ngữ và NL văn học (cảm nhận cái hay của văn thuyết minh, rèn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe về văn thuyết minh)  *+ Đọc:* Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,…), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa…) của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động, trò chơi. Biết mở rộng trạng ngữ của câu. Biết giới thiệu, thuyết minh, giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động, trò chơi cả trong viết, nói và nghe.  *+ Viết* được bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.  *+ Nói &nghe:* Trao đổi , thảo luận về ý nghĩa sự kiện lịch sử.  ***2. Phẩm chất:***  *- Yêu nước*: yêu quý, trân trọng, tự hào về độc lập tự do, về những thành quả của dân tộc đã dành được  *- Trách nhiệm:* Sử dụng đúng Tiếng Việt trong nói và viết, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt  *- Trung thực:* Thực hiện nhiệm vụ được giao, sử dụng thông tin chính xác, tin cậy trong khi thuật lại sự kiện đã học đã đọc  **\*ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ**  - Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.  - Vận dụng kiến thức và kĩ năng vào bài kt  - Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp HS tự đánh giá kết quả học tập cuối học kì I.  - Làm bài nghiêm túc  - Nhận biết được những ưu nhược điểm trong bài làm của mình để có hướng phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế cho những bài làm sau. |
| **57+58+59** | ***-*** ***Văn bản 1:****Ca Huế( Theodsvh.gov.vn)* |
| **60+61** | ***-*** ***Văn bản 2:****Hội thi thổi cơm( Theo dulichvietnam.org.vn)* |
| **62+63** | **- Thực hành tiếng Việt:***Mở rộng trạng ngữ* |
| **64** | **- THĐH-** ***Văn bản 3:****Những nét đặc săc trên “đất vật” Bắc Giang(Theo Phí Trường Giang)* |
| **65** | **Ôn tập KTĐG cuối HK I**: Đọc hiểu, THTV, viết… |
| **66+67** | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I** |
| **VIẾT** | |
| **68+69+70** | Viết văn bản thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi |
| **NÓI & NGHE** | |
| **71** | *Trao đổi, thảo luận về ý nghĩa một sự kiện lịch sử.* |
| **72** | **Trả bài KTĐG cuối HKI.** |
| **HỌC KỲ II** | | | | | |
| **Tuần 19+20+21** | **BÀI 6(12 tiết)**  **TRUYỆN NGỤ NGÔN & TỤC NGỮ** | **ĐỌC – HIỂU** | | 1. Video/clip/ phim tư liệu về Văn học dân gian Việt Nam  2. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  3.KHBD, GA(W+PPT),máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | **\*BÀI 6 : TRUYỆN NGỤ NGÔN & TỤC NGỮ**  ***1. Về năng lực:***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  *- Năng lực ngôn ngữ:*  *+Đọc:* Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học…) của truyện ngụ ngôn và tục ngữ.Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các BPTT nói quá, nói giảm nói tránh, vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.  *+ Viết:* Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn  *+ Nói &nghe:* Biết kể lại một truyện ngụ ngôn và vận dụng tục ngữ trong đời sống.  *- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***2. Về phẩm chất:***  *- Nhân ái:* Chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn.  *- Trách nhiệm:* Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm. |
| **73+74+75** | - ***Văn bản 1:*** *Ngụ ngôn*  ***+ Ếch ngồi đáy giếng***  ***+ Đẽo cày giữa đường*** |
| **76+77** | - ***Văn bản 2:****Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội* |
| **78+79** | **- THTV:** Tục ngữ, thành ngữ;Nói quá, nói giảm – nói tránh |
| **80+81** | - **Thực hành đọc hiểu-** ***Văn bản 3:***  + *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*  *+ Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội* |
| **VIẾT** | |
| **81+82** | *Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn* |
| **NÓI & NGHE** | |
| **83** | Kể lại truyện ngụ ngôn |
| **84** | **Tự đánh giá**(KTTX – KTĐG NL Đọc hiểu) |
| **Hướng dẫn tự học( GVHD học sinh tự học sau mỗi tiết)** | |
| **Tuần**  **22+23+24** | **BÀI 7(12 tiết)**  **THƠ** | **ĐỌC – HIỂU** | | 1.Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của các loại văn bản thơ.  2. Tranh mô hình hoá các yếu tố tạo nên bài thơ nói chung: số tiếng, vần, nhịp, khổ, dòng thơ  3. Bộ tranh minh hoạ cho mô hình thơ  4. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  **5.** KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | **\*BÀI 7: THƠ**  ***1. Về năng lực:***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  *- Năng lực ngôn ngữ:*  *+ Đọc:* Nhận biết được nét độc đáo về hình (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ. Nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản, công dụng của dấu chấm lửng; nhận biết được ngữ cảnh và ngữ nghĩa của từ trong ngữ cảnh.  *+Viết:* Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ  *+ Nói &nghe:* Biết trao đổi về một vấn đề..  *- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***3. Về phẩm chất:***  *- Nhân ái*: Trân trọng tình cảm cha con cao đẹp, tình mẹ con sâu nặng, xúc động. Xúc động trước những việc làm và tình cảm cao đẹp.Trân trọng những suy nghĩ, hành động dũng cảm. Yêu quý bản thân tự hào về những giá trị của bản thân*.*  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ. |
| **85+86+87** | - ***Văn bản 1:****Những cánh buồm(Hoàng Trung Thông)* |
| **88+89** | - ***Văn bản 2:****Mây và sóng(A.R.Tagor)* |
| **90+91** | **-THTV:***Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh; Dấu chấm lửng* |
| **92** | - **THĐH-*Văn bản 3:****Mẹ và quả(Nguyễn Khoa Điềm)* |
| **VIẾT** | |
| **93 + 94** | *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ* |
| **NÓI & NGHE** | |
| **95** | Trao đổi về một vấn đề |
| **96** | **Tự đánh giá**(KTTX – KTĐG kiến thức tiếng Việt) |
| **Hướng dẫn tự học(GVHD học sinh tự học sau mỗi tiết)** | |
| **Tuần**  **25+26+27** | **BÀI 8(12 tiết)**  **- NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**  **- ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**  **GIỮA HỌC KÌ II**  **(4 tiết)** | **ĐỌC – HIỂU** | | 1.Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận: mở bài, thân bài, kết bài.  Bảng nêu ý kiến, lí lẽ, bằng chứng (kiểm chứng được và không kiểm chứng được) và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  2. Tranh minh họa bố cục bài văn nghị luận (mở bài, thân bài, kết bài, các ý lớn);  3. Tranh minh họa cho ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của các yếu tố đó.  4. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  5. Video/clip/ phim tư liệu về thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh  **6.** KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | **\*ÔN TẬP VÀ KTĐG GIỮA KÌ II**  Trình bày được các nội dung cơ bản đã học ở bài 6,7,8 gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.  - Vận dụng kiến thức và kĩ năng vào bài kiểm tra  - Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp HS tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì II.  - Làm bài nghiêm túc  - Nhận biết được những ưu nhược điểm trong bài làm của mình để có hướng phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế cho những bài làm sau.  **\* BÀI 8: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**  ***1. Về năng lực:***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  *- Năng lực ngôn ngữ:*  *+ Đọc*: Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.Vận dụng được kiến thức về liên kết, mạch lạc của văn bản trong đọc, viết, nói và nghe.  *+ Viết:* Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống  *+ Nói&nghe:* Biết viết bài văn nghị luận và trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.  *- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***2. Về phẩm chất:***  *- Yêu nước*: yêu quý, trân trọng, tự hào về độc lập tự do, về những thành quả của dân tộc đã giành được  *- Trách nhiệm:* Tự hào về truyền thống yêu nước, có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ đã hi sinh vì Tổ quốc. |
| **97+98+99** | - ***Văn bản 1:****Tinh thần yêu nước của nhân dân ta( Hồ Chí Minh)* |
| **100+101** | - ***Văn bản 2:****Đức tính giản dị của Bác Hồ(Phạm Văn Đồng)* |
| **102+103** | **-THTV:**Liên kết, mạch lạc trong văn bản |
| **104** | -**THĐH -*Văn bản 3:****Tượng đài vĩ đại nhất(Uông Ngọc Dậu)* |
| **105** | **Ôn tập giữa học kỳ II***:*Đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, viết... |
| **106+107** | **Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ II** |
| **VIẾT** | |
| **108+109** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống |
| **NÓI & NGHE** | |
| **110** | Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống |
| **111** | **Tự đánh giá**(KTTX – KTĐG NL Viết) |
| **112** | **Trả bài KTĐG giữa HKII .** |
| Hướng dẫn tự học( GVHD học sinh tự học sau mỗi tiết) | |
| **Tuần**  **28**  **29+30+31** | **- BÀI 9(12 tiết)**  **TÙY BÚT &TẢN VĂN**  **(TRUYỆN NGẮN)** | **ĐỌC - HIỂU** | | 1. Bộ tranh mô hình hóa các thành tố của văn bản truyện  2. Bộ tranh minh hoạ hình ảnh một số truyện tiêu biểu.  3. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  **4.** KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | **\*BÀI 9: TÙY BÚT&TẢN VĂN**  ***1. Về năng lực:***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  *- Năng lực ngôn ngữ:*  *+ Đọc:* Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,…), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của tùy bút và tản văn. Sử dụng đúng một số từ Hán Việt thông dụng  *+ Viết:* Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.  *+ Nói &nghe:* Biết trao đổi, thảo luận về một vấn đề.  *- Năng lực văn học(thẩm mỹ)*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.  ***3. Về phẩm chất:***  - *Nhân ái:* Yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước.Biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, nhận thức và xác định cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.  - *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  - *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản tùy bút và tản văn. |
| **113+114+115** | - ***Văn bản 1:****Cây tre Việt Nam(Thép Mới)* |
| **116+117+118** | - ***Văn bản 2:****Người ngồi đợi trước hiên nhà(Huỳnh Như Phương* |
| **119** | **- Thực hành tiếng Việt:***Từ Hán Việt* |
| **120** | - **THĐH - *Văn bản 3:****Trưa tha hương(Trần Cư)* |
| **VIẾT** | |
| **121+122** | *Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc* |
| **NÓI & NGHE** | |
| **123** | *Trao đổi về một vấn đề* |
| **124** | **Tự đánh giá**(KTTX – KTĐG NL Nói&nghe) |
| **Hướng dẫn tự học(GVHD học sinh tự học sau mỗi tiết)** | |
| **Tuần**  **32**  **33+34+35** | **BÀI 10 (12 tiết)**  **- VĂN BẢN THÔNG TIN**  **- ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM**  **(4 tiết)** | **ÔN TẬP VÀ KTĐG CUỐI NĂM** | | 1.Tranh một số dạng/loại văn bản thông tin thông dụng. Tranh mô hình hóa các yếu tố hình thức của văn bản thông tin.  2. Tranh minh họa một số dạng/loại văn bản thông tin thông dụng  3. Tranh minh họa các yếu tố hình thức của văn bản thông tin như: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản.  4. Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên  5. KHBD, GA(W+PPT)máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm… | **\*BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  ***2. Về năng lực:***  *a.Năng lực chung:*  ***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.  -*Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.  *-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.  ***b.*** *Năng lực đặc thù:*  *- Năng lực ngôn ngữ:*  *+ Đọc:* Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản (theo các đối tượng phân loại); nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản; nhận biết và giải thích được tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,…) trong văn bản. Nhận biết được thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ.  *+ Viết:* Viết được văn bản tường trình và biết tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.  *+ Nói &nghe*: Nghe và tóm tắt được ý chính của bài nói.  ***2. Về phẩm chất:***  - *Chăm chỉ:* có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* Thích tìm hiểu, khám phá các phương tiện vận chuyển, đi lại và tôn trọng các quy định về an toàn giao thông.  **\* ÔN TẬP KTĐG CUỐI NĂM**  Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.  - Vận dụng kiến thức và kĩ năng vào bài kiểm tra  - Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp HS tự đánh giá kết quả học tập cuối học kì II.  - Làm bài nghiêm túc  - Nhận biết được những ưu nhược điểm trong bài làm của mình để có hướng phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế cho những bài làm sau. |
| **125** | **Ôn tập học kỳ II:** Đọc hiểu, thực hành tiếng Việt, Viết… |
| **126+127** | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM** |
| **ĐỌC – HIỂU** | |
| **128+ 129+130** | ***- Văn bản 1:****Ghe xuồng Nam Bộ(Theo Minh Nguyên)* |
| **131+132** | - ***Văn bản 2:****Tổng kiểm soát phương tiện giao thông(Theo infograpfic.vn)* |
| **133** | **-THTV:***Thuật ngữ* |
| **134 + 135** | - **THĐH -** ***Văn bản 3:****Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa( Theo Trần Bình)* |
| **136** | Tóm tắt văn bản thông tin, viết biên bản. |
| **134+135** | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM** |
| **136** | Tóm tắt văn bản thông tin, viết bản tường trình. |
| **VIẾT** | |
| **137+138** | *- Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài*  *- Viết bản tường trình* |
| **NÓI & NGHE** | |
| **139** | *Nghe và tóm tắt ý chính của người nói* |
| **140** | **Trả bài KTĐG cuối năm** |
| **Hướng dẫn tự học(GVHD học sinh tự học sau mỗi tiết)** | |

(

**III. Ôn tập, kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **( 1)** | **Địa điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức  (4)** |
| Giữa Học Kì I | 90 phút | Tuần 8 tháng 11/2022 | **1. Năng lực:** HS vận dụng những kiến thức Ngữ văn đã học từ 5/9/2022 đến thời điểm kiểm tra. Đánh giá những kiến thức giữa học kì I.  Phát triển các năng lực: *giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, ngôn ngữ: đọc - hiểu ngữ liệu để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo…*  **2. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất *trung thực, trách nhiệm*: trung thực trong học tập, thi cử; tự giác, độc lập và có ý thức nghiêm túc trong làm bài kiểm tra. | Viết trên giấy |
| Cuối Học Kì I | 90 phút | Tuần 17 tháng 1/2023 | **1.Năng lực**: HS vận dụng những kiến thức Ngữ văn đã học từ đầu năm học đến thời điểm kiểm tra. Đánh giá những kiến thức từ giữa học kì I đến hết HKI.  Phát triển các năng lực: *giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, ngôn ngữ: đọc - hiểu ngữ liệu để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo…*  **2. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất *trung thực, trách nhiệm*: trung thực trong học tập, thi cử; tự giác, độc lập và có ý thức nghiêm túc trong làm bài kiểm tra. | Viết trên giấy |
| Giữa Học Kì II | 90 phút | Tuần 27 tháng 3/2023 | **1. Năng lực:** HS vận dụng những kiến thức Ngữ văn đã học từ 18/1/2022 đến thời điểm kiểm tra.Đánh giá những kiến thức giữa học kì II; Phát triển các năng lực: *giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, ngôn ngữ: đọc - hiểu ngữ liệu để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo…*  **2. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất *trung thực, trách nhiệm*: trung thực trong học tập, thi cử; tự giác, độc lập và có ý thức nghiêm túc trong làm bài kiểm tra. | Viết trên giấy |
| Cuối Học Kì II | 90 phút | Tuần 32 tháng 5/2023 | **1. Năng lực:** HS vận dụng những kiến thức Ngữ văn đã học từ đầu học kì 2 đến thời điểm kiểm tra. Đánh giá những kiến thức giữa học kì II. Phát triển các năng lực: *giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, ngôn ngữ: đọc - hiểu ngữ liệu để giải quyết vấn đề một cách sáng tạo…*  **2.Phẩm chất:**  Rèn luyện phẩm chất *trung thực, trách nhiệm*: trung thực trong học tập, thi cử; tự giác, độc lập và có ý thức nghiêm túc trong làm bài kiểm tra. | Viết trên giấy |

**IV. Các nội dung khác (nếu có) (Bồi dưỡng học sinh giỏi; HS năng khiếu, HS yếu kém; Tổ chức hoạt động giáo dục:**

* Bồi dưỡng học sinh giỏi: 7
* Bồi dưỡng học sinh yếu kém: 9
* Tổ chức hoạt động sinh hoạt tập thể(Tuần 7 và tuần 32)

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Tân Hòa, Ngày 20 tháng 07 năm 2022*** |
| **XÁC NHẬN CỦA** **TỔ CHUYÊN MÔN** | **XÁC NHẬN CỦA BGH** |
| ***Nguyễn Thị Minh*** |  |